

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2018/KDTM-ST.**

Ngày : 05/01/2018.

*V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
vận chuyển.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ
2. Ông Nghiêm Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Huế - là thư ký
Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:
Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 802/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2017 “*về tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2017/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty Cổ phần J.
Trụ sở : đường B, Phường X, quận T, TP HCM.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Diệp Minh H**
Địa chỉ : đường D, Phường X, Quận T, TP HCM.
(*văn bản ủy quyền số 09UQ/2017 ngày 07/8/2017 - có mặt*).

Bị đơn : Công ty Cổ phần Y.
Trụ sở : đường N, Phường X, quận P, TP.HCM.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Trung H**
Địa chỉ : đường B, Phường X, quận G, TP HCM.
(*văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017 - có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2017 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần J (có ông Diệp Minh H đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 01/12/2015, Công ty Cổ phần J và Công ty Cổ phần Y có ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 30/2015/HĐVC-J, với nội dung: Công ty Y ủy quyền cho Công ty J thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không. Thời hạn của hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/12/2015 đến hết ngày 31/12/2016. Phương thức thanh toán cước phí dịch vụ bằng hình thức chuyển khoản; về đối chiếu và xác nhận số nợ: chậm nhất đến ngày 03 của tháng kế tiếp, Công ty J sẽ gửi bảng kê số liệu cước dịch vụ của tháng cho Công ty Y. Việc ký xác nhận phải được thực hiện không chậm hơn 02 ngày làm việc kể từ khi Công ty Y nhận được văn bản xác nhận công nợ. Sau 02 ngày quy định mà Công ty Y không có thông tin phản hồi thì số liệu bảng kê nợ do bên Công ty J cung cấp mặc nhiên được thừa nhận là chính xác. Công ty J sẽ phát hành hóa đơn cước dịch vụ và các chi phí liên quan của tháng cho Công ty Y chậm nhất vào ngày 15 của tháng kế tiếp.

Theo đó, từ ngày 01/10/2016 đến ngày 10/11/2016, Công ty J (chi nhánh Hà Nội) đã thực hiện tổng cộng 40 đợt vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không theo yêu cầu của Công ty Y (chi nhánh Hà Nội) với tổng giá trị phí vận chuyển đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) là 214.052.432 (*hai trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi hai*) đồng. Công ty J đã giao đủ hàng hóa đúng theo yêu cầu và đã xuất hóa đơn VAT. Công ty Y đã nhận hóa đơn VAT nhưng cho đến nay chỉ mới thanh toán cho Công ty J được số tiền 7.847.200 (*bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm*) đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng.

Do vậy, Công ty J yêu cầu Công ty Y có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng.

- *Bị đơn Công ty Y (có ông Trần Trung H đại diện theo ủy quyền) trình bày:* Công ty Y xác nhận ngày 01/12/2015 có ký với Công ty J hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 30/2015/HĐVC-J có nội dung: Công ty Y ủy quyền cho Công ty J thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không. Thời hạn của hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/12/2015 đến hết ngày 31/12/2016. Thực hiện hợp đồng này, hai bên đã có giao dịch vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, Công ty Y chỉ đồng ý thanh toán số tiền trên với điều kiện Công ty J phải xuất trình đầy đủ chứng từ vận chuyển có chữ ký hợp lệ. Do có sự tin tưởng trong làm ăn nên khi nhận được hóa đơn VAT từ Công ty J thì kế toán của Công ty Y đã không kiểm tra kỹ các chứng từ nên có kê khai thuế về phát sinh giao dịch trong tháng đối với hai hóa đơn VAT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016 do Công ty J phát hành. Vì vậy, Công ty Y không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu khởi kiện của Công ty J.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Yêu cầu Công ty Y có trách nhiệm thanh toán cho Công ty J số tiền còn nợ 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng phát sinh từ hai hóa đơn VAT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016 mà Công ty Y đã nhận, đã

khai báo thuế nhưng chưa thanh toán cho Công ty J. Thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty J không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Công ty Y không đồng ý thanh toán vì chứng từ vận chuyển hàng hóa không hợp lệ. Công ty Y xác nhận có nhận được biên bản đối chiếu công nợ của tháng 10 và 11/2016 do Công ty J chuyển qua, nhưng không đồng ý với các số liệu do Công ty J đưa ra. Công ty Y đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại với Công ty J, yêu cầu cung cấp chứng từ đầy đủ thì đồng ý thanh toán. Tuy nhiên, Công ty J không cung cấp. Do kế toán bên Công ty Y có sơ suất, không kiểm tra kỹ các chứng từ này nên đã làm thủ tục khai báo thuế với cơ quan thuế trong quý 4/2016 đối với các hóa đơn GTGT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 30/2015/HĐVC-J ngày 01/12/2015. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã vận chuyển hàng hóa bằng dịch vụ hàng không cho bị đơn, đã giao đủ hàng theo yêu cầu và xuất hóa đơn VAT. Tuy nhiên, bị đơn chỉ mới thanh toán số tiền 7.847.200 (*bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm*) đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng. Như vậy, căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng quy định về việc thanh toán thì bị đơn đã vi phạm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*Hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa*) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng phát sinh từ hai hóa đơn VAT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 30/2015/HĐVC-J ngày 01/12/2015; 02 hóa đơn GTGT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016 và đã được bị đơn thừa nhận tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Giữa Công ty J và Công ty Y có ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 30/2015/HĐVC-J ngày 01/12/2015, với nội dung: Công ty Y ủy quyền cho Công ty J thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không. Thời hạn của hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/12/2015 đến hết ngày 31/12/2016. Về việc thanh toán cước phí dịch vụ được quy định rõ trong Điều 4 của hợp đồng, cụ thể: chậm nhất đến ngày 03 của tháng kế tiếp, Công ty J sẽ gửi bảng kê số liệu cước dịch vụ của tháng cho Công ty Y ký xác nhận công nợ. Việc ký xác nhận phải được thực hiện không chậm hơn 02 ngày làm việc kể từ khi Công ty Y nhận được văn bản xác nhận công nợ. Sau 02 ngày quy định mà Công ty Y không có thông tin phản hồi thì số liệu bảng kê nợ do bên Công ty J cung cấp mặc nhiên được thừa nhận là chính xác. Công ty J sẽ phát hành hóa đơn cước dịch vụ và các chi phí liên quan của tháng cho Công ty Y chậm nhất vào ngày 15 của tháng kế tiếp. Công ty Y sẽ thanh toán cho Công ty J trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.

Như vậy, theo thỏa thuận về điều khoản thanh toán, Công ty J phải gửi bảng kê cước dịch vụ vận chuyển tháng 10 và tháng 11/2016 cho Công ty Y, đồng thời gửi biên bản đối chiếu công nợ tháng 10 và tháng 11/2016 cho công ty Y. Điều này, Công ty Y cũng xác nhận là có nhận được bảng kê cước dịch vụ vận chuyển tháng 10, 11/2016 và biên bản đối chiếu công nợ do Công ty J chuyển qua. Như vậy, Công ty J đã thực hiện đúng thỏa thuận được quy định tại Điều 4 của hợp đồng.

Công ty J đã phát hành 02 hóa đơn VAT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016 với tổng cước phí dịch vụ + thuế VAT là 214.052.432 (*hai trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi hai*) đồng. Công ty J đã giao đủ hàng hóa theo yêu cầu vận chuyển và đã xuất hóa đơn VAT. Công ty Y đã nhận hóa đơn VAT nhưng cho đến nay chỉ mới thanh toán cho Công ty J số tiền 7.847.200 (*bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm*) đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng. Hóa đơn VAT do bên cung cấp dịch vụ Công ty J phát hành là chứng từ bắt buộc phải có khi thực hiện dịch vụ vận chuyển đối với bên thuê dịch vụ vận chuyển là Công ty Y, điều này hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng và luật kế toán cũng như các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Như vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng phát sinh từ 02 hóa đơn VAT số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016.

- Ý kiến của Công ty Y cho rằng do chứng từ Công ty J cung cấp không hợp lệ nên Công ty Y có liên lạc qua điện thoại với Công ty J yêu cầu cung cấp chứng từ hợp lệ thì mới đồng ý thanh toán. Vì tin tưởng làm ăn lâu năm nên Công ty Y chỉ liên hệ qua điện thoại mà không có ý kiến phản hồi bằng văn bản theo như hai bên đã thỏa

thuận thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra thì Công ty Y không có chứng cứ gì để chứng minh và sự việc này cũng không được Công ty JITT thừa nhận.

Sau khi Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì bị đơn lại xác nhận có kê khai báo thuế của hai hóa đơn này tại cơ quan thuế nhưng cho rằng việc khai báo này là do có sự nhầm lẫn của kế toán Công ty. Tuy nhiên, trên thực tế bị đơn cũng đã thanh toán một phần tiền cước phí vận chuyển thể hiện trong hóa đơn VAT tháng 10 và 11/2016 cho nguyên đơn với số tiền 7.847.200 (*bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm*) đồng. Số tiền còn lại 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng thì bị đơn không thanh toán. Do vậy, bị đơn đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết, điều này đã gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Mặc dù, trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận về khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tính từ khi vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (206.205.232 đồng) là 10.310.262 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 85 và 306 của Luật thương mại;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần J, buộc Công ty Cổ phần Y phải trả cho Công ty Cổ phần J số tiền nợ cước dịch vụ vận chuyển là 206.205.232 (*hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi hai*) đồng

phát sinh từ 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000189 ngày 31/10/2016 và số 0000212 ngày 30/11/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần J không yêu cầu Công ty Cổ phần Y phải chịu lãi chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần J, nếu Công ty Cổ phần Y không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Y còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **10.310.262** (*mười triệu ba trăm mười ngàn hai trăm sáu mươi hai*) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần J không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.155.000 (*năm triệu một trăm năm mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08702 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu.

Mai Thị Thu Dung